

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi:Hội đồng khoa học Phòng GD&ĐT Huyện Đại Lộc.

Tôi ghi tên dưới đây:

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nơi công tác (hoặc nơi thường trú) | Chức danh | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến |
|----|---------------------|---------------------|---------------------------------------|-----------|---------------------|--|
| 1 | Đoàn Thị Thanh Kiều | 30-01-1985 | Trường MG Đại Nghĩa | Giáo viên | Đại Học | 100% |

Là tác giả đề nghị xét công nhận sáng kiến: **“ Một vài biện pháp dạy lớp 5 tuổi học tốt môn văn học”**.

- Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Đoàn Thị Thanh Kiều
 - Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non
 - Ngày sáng kiến được áp dụng ngày 10 tháng 9 năm 2017.
 - Mô tả bản chất của sáng kiến:
- + Về nội dung sáng kiến:

Văn học là môn học rất quan trọng đối với trẻ mầm non là phương tiện phát triển ngôn ngữ giúp cho trẻ có đủ vốn từ để trẻ nói năng lưu loát, diễn đạt ngắn gọn, không những thế mà việc dạy làm quen với những từ ngữ nghệ thuật, giúp trẻ phát triển trí tưởng tượng, óc quan sát, khả năng tư duy độc lập trong suy nghĩ. Qua hoạt động LQVH giúp trẻ hiểu được cái hay cái đẹp của con người trong cuộc sống. Vì vậy nâng cao chất lượng môn LQVH là vấn đề rất quan trọng giúp trẻ phát triển một cách toàn diện về đức, trí, tâm, mỹ.

Để tổ chức tốt cho trẻ 5 tuổi học tốt môn văn học, đề tài được áp dụng với 5 biện pháp như sau:

1. Rèn luyện khả năng đọc thơ, kể chuyện cho chính mình:

Ở lứa tuổi mẫu giáo trẻ hay thích bắt chước làm theo cô. Vì thế muốn lôi cuốn trẻ tập trung chú ý vào giờ học LQVH. Đầu tiên giáo viên phải là người kể chuyện hấp dẫn, đọc thơ diễn cảm và thể hiện nét mặt phù hợp với từng tình huống, từng nhân vật...

* **Ví dụ:** Vai bà cụ thì thể hiện giọng kể khàn khàn, yếu ớt, chậm rãi
...Trong câu chuyện **“ Ba cô gái – Bông hoa các trắng”**

- Cứ thế mỗi vai được thể hiện một phong cách, điệu bộ riêng, dễ lôi cuốn trẻ vào với nội dung câu chuyện kể.

Trong giờ kể chuyện giáo viên biết cách sáng tạo, minh họa các động tác phù hợp có trong câu chuyện, để trẻ chú ý và thực hiện làm theo một cách tự nhiên. Những bài thơ dạy trẻ giáo viên chú ý luyện đọc cho đúng ngữ điệu, cách ngắt nhịp theo thể thơ, câu thơ.

* **Ví dụ:** Bài thơ: “Chú bộ đội hành quân trong mưa” giọng đọc vui tươi, nhanh thể hiện nhịp thơ dồn dập khi đi hành quân;

Mưa rơi/mưa rơi.

Lộp bộp/lộp bộp.

Vẫn đi/vẫn đi.

Chân dồn/dậm bước.

Bài thơ: “Giữa vòng gió thom” thể hiện âm điệu êm dịu, nhịp điệu chậm rãi, nét mặt bần khoăn lo lắng:

Này/chú gà nâu.

Cãi nhau gì thế?

Này/chị vịt bầu.

Chú gào ầm ỉ.

Bà tớ ốm rồi!

Chú ý nhấn mạnh các từ để tăng thêm vẻ đẹp của đồ vật, sự vật có trong bài thơ.

* **Ví dụ:** Bài thơ: “Tết đang vào nhà” trong đó có từ rung rinh, sáng hồng, nở hoa...

Thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt khi đọc thơ, hòa nhập hết cảm xúc của mình vào bài thơ, câu chuyện để làm toát lên nội dung. Có như vậy thì trẻ mới hứng thú và tiếp thu bài dạy đạt hiệu quả, nhiều trẻ sẽ bắt chước lại điệu bộ của cô hoặc lấy ý tưởng của trẻ để minh họa. Từ đó giúp trẻ sáng tạo tự nhiên trong lúc kể chuyện và đọc thơ.

2. Tạo môi trường cho trẻ hoạt động:

Kết hợp với lời kể chuyện hay, đọc thơ diễn cảm thì việc đầu tư xây dựng môi trường hoạt động LQVH đóng 1 vai trò rất quan trọng giúp việc tổ chức hoạt động LQVH đạt hiệu quả cao. Những tranh ảnh, rối tay, rối bìa, hình ảnh trên máy có nhiều màu sắc đẹp sẽ dễ dàng thu hút trẻ. Vì vậy giáo viên chú ý xây dựng môi trường học tập LQVH ở lớp thật hấp dẫn.

* **Ví dụ:** Chủ đề gia đình.

Ở góc nghệ thuật: Cô chuẩn bị những đồ dùng hóa trang như trang phục của các nhân vật, mũ Thỏ, mũ Ong, Bướm, Chó sói... để trẻ tham gia đóng kịch.

Ở góc sách giáo viên trưng bày những tranh truyện, rối tay, rối que có nội dung về chủ đề đang học.



Với những đồ dùng cô đã chuẩn bị vào các hoạt động, giúp trẻ say mê, hứng thú tích cực tham gia, nhiều trẻ biết sử dụng rối để múa minh họa một cách tự tin, trẻ được giao lưu cùng bạn bè, mạnh dạn đọc thơ, kể chuyện trước tập thể.

Ở góc học tập: Chuẩn bị những hình ảnh đã được cắt rời về nhân vật, con vật, đồ vật có trong bài thơ, câu chuyện.

Ở góc tạo hình: Giáo viên cho trẻ tô màu, vẽ những nhân vật mà trẻ thích về nội dung câu chuyện, bài thơ được học. Giáo viên luôn tôn trọng cảm xúc, sự sáng tạo lựa chọn theo ý tưởng của trẻ để có những bức tranh theo trình tự một câu chuyện hoặc bài thơ nào đó để trang trí vào góc sách cho các cháu được nhìn và kể chuyện theo nội dung hình vẽ nhằm giúp các cháu hứng thú khi thực hành, tập tranh sẽ giúp các cháu chủ động học tập mạnh dạn, tự tin cùng bạn bè, nhiều trẻ sáng tạo trong lời kể, ý tưởng hay mới lạ dẫn đến kết quả đọc thơ, kể chuyện của trẻ đạt kết quả cao.

Cho trẻ dán thêm hình ảnh còn thiếu vào nội dung câu chuyện, bài thơ đã học ở mọi nơi, mọi lúc hoặc lồng ghép vào trong giờ học bằng những hình ảnh cô đã cắt sẵn hoặc đã vẽ để trẻ chọn cắt và dán vào cho phù hợp nội dung đoạn chuyện cô đã kể.

* **Ví dụ:** Câu chuyện: “Cây tre trăm đốt” giáo viên chuẩn bị các bức tranh chưa hoàn chỉnh nội dung, cho trẻ chọn dán thêm hình ảnh vào cho phù hợp, sau đó tổ chức một cháu làm nhóm trưởng gợi ý nhóm bạn lên kể lại đoạn chuyện sáng tạo theo nội dung bức tranh đã tạo ra.

Với hình thức này trẻ được kể chuyện tự do qua những hình vẽ không nhất thiết trẻ phải thuộc nguyên văn theo câu chuyện sẽ giúp trẻ mạnh dạn, tự tin, không rụt rè trước các bạn, nhiều trẻ có nhiều câu chuyện kể sáng tạo khác nhau theo ý nghĩ của mình, nhằm phát triển ngôn ngữ nói, trí tuệ cho trẻ. Giáo dục trẻ đánh giá được nhân cách các nhân vật tốt, xấu, hiền lành, độc ác và học tập tấm gương tốt có trong câu chuyện.

3. Thực hiện xây dựng: “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” vào môn làm quen văn học:

Căn cứ theo sự chỉ đạo của ngành giáo dục. Năm học 2017 - 2018 tiếp tục thực hiện cuộc vận động: “Xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực” tập trung 3 vấn đề. Trong đó có một vấn đề được nhà trường quan tâm, chú trọng là đưa ca dao, đồng dao, tục ngữ, dân ca, hò vè, trò chơi dân gian vào trường học.

Giáo viên đã tập trung khai thác, nghiên cứu đưa trò chơi dân gian vào trong hoạt động học để dạy trẻ cho phù hợp tạo sự hứng thú cho trẻ được tham gia đồng thời giúp trẻ vận động tay chân nhằm giảm bớt thời gian ngồi 1 chỗ để đọc thơ và nghe kể chuyện giúp trẻ bớt nhàm chán.

*** Ví dụ:** Ai ơi bung bát cơm đầy
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Làm ruộng ăn cơm nằm
Làm tầm ăn cơm đứng.

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Cho trẻ làm quen với các câu ca dao, tục ngữ, trò chơi dân gian ở mọi lúc, mọi nơi, giờ đón trẻ...

Ở hiền, gặp lành - kẻ hung ác sẽ bị trừng trị.

Lá lành đùm lá rách - chị ngã em nâng.

Giáo viên lựa chọn đưa vào trong các tiết kể chuyện, bài thơ có nội dung phù hợp câu ca dao, tục ngữ. Nhằm giúp trẻ hiểu biết sâu hơn về nội dung bài học và giáo dục trẻ tình yêu thương con người, biết yêu cái thiện ghét cái ác, học tập những đức tính tốt và tránh xa cái ác, việc làm không tốt.

*** Ví dụ:** Chuyện: “Tám Cám”: Qua câu chuyện: “Tám Cám” giáo viên đó trẻ cháu nào biết câu ca dao nào nói về tính cách của nhân vật mà các con đã được nghe ông bà kể.

Giáo viên lồng vào câu tục ngữ để giáo dục trẻ :

Ở hiền gặp lành - ở ác sẽ bị quả báo.

Chuyện: “Hai anh em”:

Lười biếng, ai thiệt

Siêng năng ai cũng chào mời.

Chuyện: “Bông hoa cúc trắng”:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng.....đạo con.

** Sưu tâm ca dao, đồng dao, hò vè, dân ca, lô tô... để đưa vào dạy trẻ cho phù hợp.*

Ví dụ: Ở giờ hoạt động chiều, hoạt động ngoài trời, giáo viên tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi dân gian có ở địa phương như: Hát đồng dao, hò vè có ở địa phương như: Con nít con nôi

Đội mũ lá mít, Cỡi ngựa tàu cau...”

Trẻ cùng chơi, cùng làm những chiếc mũ, chiếc kèn bằng lá dứa, lá mít, cỡi ngựa tàu cau... Qua đó trẻ càng yêu quê hương và đưa trẻ về với tuổi thơ hồn nhiên.

Tổ chức cho trẻ chơi hát lô tô, dân ca để trẻ được làm quen với làn điệu quen thuộc qua câu chuyện, bài thơ, nhân vật trẻ được học:

** Ví dụ:*

“Lô tô lô tô

Quý trò quý cô

Lắng nghe cho rõ.

Một hôm Lê Lợi dạo chơi.

Trên hồ Tả Vọng nước trời trong xanh

Con gì xuất hiện đòi gươm

Về trao cho đức long quân cháu nè.

“ Rền rền, rành rành

Đi chợ mua hàng

Tìm các loại rau

Rau gì gọi quả

Dùng xào nấu canh

Có trong câu chuyện mà cô đã kể.”

Giáo viên biết phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc vận động đóng góp thêm một số chuyện tranh mẫu giáo, bổ sung vào góc thư viện để các cháu được xem và làm quen với một số hình ảnh mà trẻ đã được học hoặc nghe cô kể. Từ đó giúp trẻ chưa biết đọc nhưng qua hình ảnh trẻ sẽ nhớ lại nội dung câu chuyện hoặc bài thơ tại lớp đạt yêu cầu.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin và chương trình phần mềm vào môn LQVH:

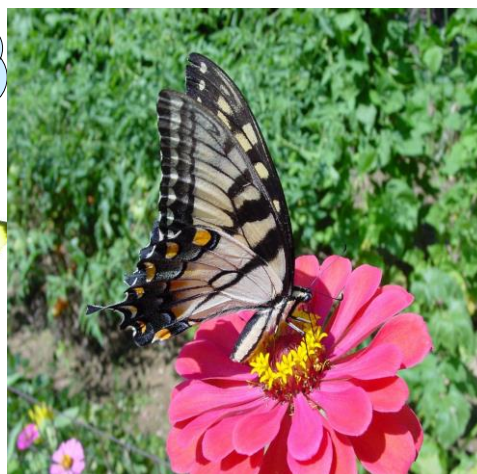
- Để cho giờ học được sinh động, trẻ chú ý học tập hơn, tiết học được nhẹ nhàng thoải mái. Giáo viên nghiên cứu đổi mới các hình thức tổ chức để đưa vào

tiết học gây sự chú ý và trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm như : Suu tầm tranh ảnh, hình ảnh thực tế, dùng kỹ thuật số chụp ảnh, quay phim cài đặt những hình ảnh thực và hình ảnh động, kết hợp hiệu ứng như âm thanh, tiếng động để giờ học sinh động thu hút trẻ tham gia.

* **Ví dụ:** Trong bài thơ: **“Đàn gà con”**: Giáo viên sử dụng kỹ thuật số quay phim gà mẹ ấp trứng nở thành con, gà mẹ dẫn con đi ăn và kết hợp âm thanh tiếng kêu chíp chíp của gà con, tiếng cục cục của gà mẹ tìm được mồi để trẻ được xem 1 đoạn clip.



Bài thơ: **“Ong nâu và bướm vàng”**: Trẻ được quan sát hình ảnh thật cô đã quay chú Ong xây tổ, Ong hút mật hoa và làm mật giúp ích cho đời. Chú Bướm vàng nhón như bay lượn dạo chơi vườn hoa. Qua đó trẻ khắc sâu thêm kiến thức về các côn trùng có lợi, có hại. Tổ chức cho trẻ thực hành trải nghiệm các trò chơi qua phần mềm kidsmart.



* **Ví dụ:** Trong câu chuyện: “Cô bé quàng khăn đỏ”.

Cho trẻ chơi trò chơi: “Làm bánh biếu bà”.

Câu chuyện: “Bông hoa cúc trắng” chơi: “Làm thiệp chúc mừng mẹ”.

Bài thơ: “Hoa kết trái” cho trẻ chơi: “Bút chì thông minh” trẻ chọn màu vẽ lại hoa lá, cỏ cây có trong bài thơ.

Câu chuyện: “Giọt nước tí xíu”: Giáo viên kết hợp trò chơi kể chuyện sáng tạo cùng nhân vật.

👉 **Trò chơi: Kể chuyện sáng tạo cùng hình tượng các nhân vật**



+ Cô hướng dẫn để trẻ lên khám phá và thể hiện những trò chơi trên máy sẽ làm cho trẻ say mê trong giờ học, cứ thế trẻ thay phiên nhau đưa tay để cô gọi được ngồi vào chơi ở máy. Hình thức này được giáo viên duy trì và luôn tìm tòi những câu chuyện mới, những bức tranh lạ, hình ảnh đẹp liên quan đến từng bài dạy, cô giáo truy cập và cài đặt vào máy làm dữ liệu xây dựng cho mình một ngân hàng tiết dạy phục vụ hoạt động giáo dục về chủ đề trong năm. Làm được công tác này thường xuyên, qua thời gian chưa tròn bốn tháng kể từ đầu năm học đến nay chất lượng của lớp nâng cao, nhiều cháu từ chỗ chậm chạp, sợ sệt nay cũng mạnh dạn, nhanh nhẹn tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp

- Nêu các điều kiện, phương tiện cần thiết để thực hiện và áp dụng giải pháp: các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng đồ chơi học liệu có tại lớp mầm non, đồ dùng, đồ chơi tự làm của cô giáo và phụ huynh.

- Nêu các bước thực hiện giải pháp, cách thức thực hiện giải pháp:

+ Qua thực hiện dạy trẻ hoạt động LQVH, đã góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ một cách toàn diện, giúp trẻ tham gia tích cực, hứng thú vào hoạt động và thể hiện phong cách mạnh dạn, tự tin. Tuy nhiên khi thực hiện cũng không tránh khỏi một số hạn chế về nhận thức. Là giáo viên đứng lớp tôi luôn đầu tư nghiên cứu, tìm ra biện pháp mới để đưa vào thực hiện dạy trẻ ngày càng tốt và đạt hiệu cao hơn. Xác định được hoạt động: “LQVH” là hoạt động yêu cầu nhằm phát triển toàn diện cho trẻ về 5 mặt: đức, trí, thể, mỹ, lao động Đầu tư, học hỏi nghiên cứu đổi mới hình thức tổ chức tiết dạy. Sưu tầm, sáng tác nhiều trò chơi mới, ca dao, tục ngữ để đưa vào dạy trẻ. Phối kết hợp với phụ huynh đóng góp thêm đồ dùng dạy học, tranh truyện cũng như việc giáo dục rèn luyện trẻ phát triển theo các lĩnh vực. Sáng tạo linh hoạt trong phương pháp dạy học. Tạo môi trường LQVH như tranh ảnh, đồ dùng ở lớp phong phú, hấp dẫn lôi cuốn trẻ vào hoạt động. Thường xuyên cung cấp kiến thức cho trẻ ở mọi lúc, mọi nơi để nâng cao chất lượng dạy học. Ứng dụng công nghệ thông tin và chương trình phần mềm kidsmart vào trong hoạt động giáo dục trẻ. Thường xuyên học

tập nghiên cứu UDCNTT, truy tập thông tin trên mạng để làm dữ liệu lưu vào máy phục vụ giảng dạy.

- Chứng minh khả năng áp dụng của sáng kiến: Áp dụng thành công với học sinh khối lớp mẫu giáo không những tại trường mẫu giáo Đại Nghĩa mà áp dụng đối với tất cả các lớp mẫu giáo ở các trường mầm non trong Huyện và Tỉnh.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

+ Qua việc áp dụng một số biện pháp nêu trên cho trẻ đã thu được nhiều kết quả tốt: Đa số trẻ kể thuộc được nhiều câu chuyện, đọc thơ diễn cảm, đó là điều làm tôi phấn khởi, yêu nghề, yêu trẻ nhiều hơn, giúp tôi có nghị lực trong công tác, hiểu nội dung câu chuyện, bài thơ tại lớp: 100% trẻ tham gia hứng thú vào giờ học; 90% trẻ thực hành được một số trò chơi ở phần mềm Kidsmart và chơi phần mềm Powerpoint; 90% trẻ phát âm chuẩn, ngôn ngữ mạch lạc rõ ràng khi đọc thơ, kể chuyện; Đa số trẻ mạnh dạn tham gia kể chuyện, đọc thơ, đóng kịch, múa rối.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại Nghĩa, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**Xác nhận và đề nghị của
cơ quan, đơn vị tác giả công tác**

Người nộp đơn

Đoàn Thị Thanh Kiều

Trần Thị Cận

(Hướng dẫn thêm)

TRÍCH ĐIỀU 5, KHOẢN 1 CỦA THÔNG TƯ 18/2013/BKHCN
Điều 5. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Quy định về nội dung Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến tại khoản 3 Điều 5 của Điều lệ Sáng kiến được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến;
b) Tác giả sáng kiến hoặc các đồng tác giả sáng kiến (nếu có) và tỷ lệ đóng góp của từng đồng tác giả;

c) Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường hợp tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì trong đơn cần nêu rõ chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào. Nếu sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì trong đơn cần ghi rõ thông tin này;

d) Tên sáng kiến; lĩnh vực áp dụng; mô tả bản chất của sáng kiến; các thông tin cần được bảo mật (nếu có):

- Tên sáng kiến: Phải thể hiện bản chất của giải pháp trong đơn;
- Lĩnh vực áp dụng: Nêu rõ lĩnh vực có thể áp dụng sáng kiến và vấn đề mà sáng kiến giải quyết;

- Mô tả sáng kiến:

+ Về nội dung của sáng kiến: Mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện giải pháp cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp; nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở thì cần nêu rõ tình trạng của giải pháp đã biết, những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết. Bản mô tả nội dung sáng kiến có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm... nếu cần thiết;

+ Về khả năng áp dụng của sáng kiến: Nêu rõ về việc giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào;

- Các thông tin cần được bảo mật (nếu có);
- đ) Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến;
- e) Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có);
- g) Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp trong đơn theo ý kiến của tác giả và theo ý kiến của tổ chức, cá nhân tham gia áp dụng giải pháp lần đầu, kể cả áp dụng thử tại cơ sở theo các nội dung sau:
 - So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó);
 - Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.

Mẫu 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SÁNG KIẾN

(Ban hành theo QĐ số 32 /2015/QĐ-UBND ngày 11 /11/2015 của UBND tỉnh)

Tên sáng kiến:

Tác giả sáng kiến:

Đơn vị công tác (của tác giả sáng kiến) :

Họp vào ngày:

Họ và tên chuyên gia nhận xét:

Học vị: Chuyên ngành:

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Số điện thoại cơ quan:

Di động:

Chức trách trong Tổ thẩm định sáng kiến:

NỘI DUNG NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

| STT | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Đánh giá của thành viên tổ thẩm định |
|-----|--|-------------|--------------------------------------|
| 1 | Sáng kiến có tính mới và sáng tạo (điểm tối đa: 30 điểm) (chỉ chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng) | | |

| | | | |
|-------------------------|---|----|--|
| 1.1 | Không trùng về nội dung, giải pháp thực hiện sáng kiến đã được công nhận trước đây, hoàn toàn mới; | 30 | |
| 1.2 | Sáng kiến, giải pháp có cải tiến so với trước đây với mức độ khá; | 20 | |
| 1.3 | Sáng kiến, giải pháp có cải tiến so với trước đây với mức độ trung bình; | 10 | |
| 1.4 | Không có yếu tố mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây. | 0 | |
| <u>Nhận xét:</u> | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| 2 | Sáng kiến có tính khả thi (điểm tối đa: 30 điểm) | | |
| 2.1 | Thực hiện được và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tác giả sáng kiến; | 10 | |
| 2.2 | Triển khai và áp dụng đạt hiệu quả (<i>chỉ chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới</i>) | | |
| a) | Có khả năng áp dụng trong toàn tỉnh | 20 | |
| b) | Có khả năng áp dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực công tác và triển khai nhiều địa phương, đơn vị trong tỉnh. | 15 | |
| c) | Có khả năng áp dụng trong một số ngành có cùng điều kiện. | 10 | |
| d) | Có khả năng áp dụng trong ngành, lĩnh vực công tác. | 5 | |
| <u>Nhận xét:</u> | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| 3 | Sáng kiến có tính hiệu quả (điểm tối đa: 40 điểm) | | |
| 3.1 | Sáng kiến phải mang lại lợi ích thiết thực cho cơ quan, đơn vị nhiều hơn so với khi chưa phát minh sáng kiến; | 10 | |
| 3.2 | Hiệu quả mang lại khi triển khai và áp dụng (<i>chỉ chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới</i>) | | |
| a) | Có hiệu quả trong phạm vi toàn tỉnh | 30 | |
| b) | Có hiệu quả trong phạm vi nhiều ngành, nhiều địa phương, đơn vị | 20 | |

| | | | |
|-------------------------|--|----|--|
| c) | Có hiệu quả trong phạm vi một số ngành có cùng điều kiện | 15 | |
| d) | Có hiệu quả trong phạm vi ngành, lĩnh vực công tác. | 10 | |
| <u>Nhận xét:</u> | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| Tổng cộng | | | |

THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH
(Họ, tên và chữ ký)

HIỆU TRƯỞNG